TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2021
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Minh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc: "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H (tên gọi khác: Lê Thị Thúy H; cư trú tại thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Đức T; cư trú tại thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Trần Đức T kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 20 tháng 8 năm 1994. Nhưng tại thời điểm kết hôn, bà Lê Thị H chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã khai tên là Lê Thị Thúy H và khai năm sinh từ 1978 thành 1972 để

đủ tuổi kết hôn và đã được UBND xã N là nơi cư trú của ông Trần Đức T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 28 tháng 10 năm 1994. Sau khi kết hôn, bà và ông Toản chung sống cùng nhau tại gia đình ông Toản ở thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên xảy ra cãi, chửi nhau. Hiện tại cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau. Nay bà Lê Thị H đề nghị Toà án hủy kết hôn trái pháp luật của bà và ông Trần Đức T.

Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Đức T có 02 con chung Trần Lê Hải P - sinh năm 1995 và Trần Lê Đức D - sinh ngày 04 tháng 02 năm 2003. Các con chung đều đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Bản tự khai ngày 04 tháng 8 năm 2021, bị đơn ông Trần Đức T trình bày:

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi chung sống của ông Trần Đức T và bà Lê Thị H như bà Hà đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, xảy ra cãi chửi nhau; ông và bà Hà đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay bà Lê Thị H khởi kiện tại Tòa án, ông Trần Đức T có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật của ông và bà Lê Thị H.

Về con chung: Ông Trần Đức T và bà Lê Thị H có các con chung như bà Lê Thị H đã trình bày. Hiện tại các con chung đều đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Ông Trần Đức T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án không đưa UBND xã N là cơ quan cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên việc này không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự nên cần tập hợp để kiến nghị chung.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình xử hủy kết hôn trái pháp luật của bà Lê Thị H và ông Trần Đức T; về con chung: Các con chung Trần Lê Hải P - sinh năm 1995 và Trần Lê Đức D - sinh ngày 04 tháng 02 năm 2003 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống; về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, ông Trần Đức T có nơi cư trú tại thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Các đương sự có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "*Tranh chấp yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật*" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là yêu cầu hủy bỏ quan hệ về nhân thân giữa người khởi kiện và người bị kiện, đương sự không có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn nên không phải là yêu cầu "*hủy quyết định cá biệt trái pháp luật*" theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy quá trình giải quyết vụ án, không cần thiết phải đưa cơ quan đăng ký kết hôn tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà sau khi có bản án, quyết định tuyên hủy kết hôn trái pháp luật, Tòa án gửi quyết định về việc hủy kết hôn trái pháp luật cho cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn để ghi vào sổ hộ tịch theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật Hôn nhân gia đình) như trường hợp gửi bản án, quyết định ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện A có quan điểm cho rằng cần đưa cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của người khởi kiện: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định bà Lê Thị H và ông Trần Đức T kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 10 năm 1994. Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 quy định: "*Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*" nhưng thời điểm kết hôn, bà Lê Thị H ở độ tuổi 16 năm 05 tháng 26 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn nên kết hôn của bà Lê Thị H và ông Trần Đức T là trái pháp luật. Bà Lê Thị H và ông Trần Đức T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã nơi cư trú của ông Trần Đức T theo đúng quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên việc kết hôn đó đã được đăng ký tại đúng cơ quan có thẩm quyền.Tại thời điểm giải quyết vụ án, bà Lê Thị H và ông Trần Đức T đã có đủ điều kiện kết hôn nhưng đều có yêu cầu Tòa án xử hủy kết hôn trái pháp luật, do vậy căn cứ các điều 9, 10 và 11 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Lê Thị H và ông Trần Đức T.

[4] Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì bà Lê Thị H và ông Trần Đức T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Lê Thị H và ông Trần Đức T có các con chung Trần Lê Hải P - sinh năm 1995 và Trần Lê Đức D - sinh ngày 04 tháng 02 năm 2003 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

[6] Về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; các điều 39, 143, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Lê Thị H (tên gọi khác: Lê Thị Thúy H) và ông Trần Đức T.

Bà Lê Thị H (tên gọi khác: Lê Thị Thúy H) và ông Trần Đức T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung Trần Lê Hải P - sinh năm 1995 và Trần Lê Đức D - sinh ngày 04 tháng 02 năm 2003 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Lê Thị H đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0019657 ngày 22 tháng 7 năm 2021) nên không phải nộp nữa.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch